

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:65/2020/DS-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn;
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 60/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXX-ST ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**; địa chỉ trụ sở: H, phố P, quận T, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2019): Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro;

Ông H ủy quyền lại cho (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019): Ông Nguyễn Văn M; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Hoàng D**, sinh năm 1989 và bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Khu phố X, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ngày 04/02/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 203-04/16/VAB/HĐCNHCN với ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V, cho ông D, bà V vay số tiền 650.000.000đồng, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay để thanh toán tiền mua xe TOYOTA FORTUNER; phương thức trả góp gốc và lãi hàng tháng; lãi suất thỏa thuận 8.5%/năm cho 12 tháng đầu, lãi suất tháng tiếp theo tính theo lãi suất huy động vốn VNĐ áp dụng cho KHCN kỳ hạn 13 tháng cuối kỳ cao nhất bậc 2 của khách hàng cá nhân + biên độ 3.5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả 150% lãi suất trong hạn. Việc vay tiền được đảm bảo bằng xe ô tô TOYOTA FORTUNER biển số 60A-268.69 do ông D đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số 203-04/16/VAB.HDDTCOTO ngày 04/02/2016. Tính đến ngày 31/8/2020 ông D đã trả tiền gốc 518.400.000đồng, còn nợ lại 131.600.000đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà V thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm nợ gốc: 131.600.000đồng, nợ lãi trong hạn: 7.204.427đồng, lãi quá hạn 2.913.696đồng, lãi phạt chậm trả 314.833đồng; tổng số tiền là: 142.032.957đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng). Trong trường hợp ông D, bà V không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Do bận công việc, ông M đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện ông Phạm Hoàng D, bà Nguyễn Thị Thu V thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là nguyên đơn, ông D, bà V là bị đơn. Căn cứ Khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (*bút lục số 117*). Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tố tụng khác:** Bị đơn ông D, bà V đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (*gọi tắt là Ngân hàng*) và ông Phạm Hoàng D, bà Nguyễn Thị Thu V đã ký hợp đồng tín dụng số 203-04/16/VAB/HĐCNHCN ngày 04/02/2016, cho ông D, bà V vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay để thanh toán tiền mua xe TOYOTA FORTUNER; phương thức trả góp gốc và lãi hàng tháng; lãi suất thỏa thuận 8.5%/năm cho 12 tháng đầu, lãi suất tháng tiếp theo tính theo lãi suất huy động vốn VNĐ áp dụng cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng cuối kỳ cao nhất bậc 2 của khách hàng cá nhân + biên độ 3.5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo tiền vay, Ngân hàng và ông D, bà V đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 203-04/16/VAB.HDDTCOTO ngày 04/02/2016 thế chấp xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER, số khung RL4ZR69G6G4026137, số máy 2KDU854522, biển số 60A-268.69 do ông D đứng tên chủ sở hữu.

Xét thấy: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; phía bị đơn ông D, bà V sinh sống tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D, bà V cố tình trốn tránh không đến Tòa làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ký kết giữa Ngân hàng và ông D, bà V là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Căn cứ vào bảng tính và theo dõi của Ngân hàng thì ông D, bà V thanh toán được tổng số tiền là 518.400.000đồng, còn nợ lại 131.600.000đồng. Từ 04/3/2020 ông D, bà V ngưng không thanh toán cho Ngân hàng.

Tại điểm d khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng quy định:

“1. VAB có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản nợ vay chưa thanh toán của Bên vay trong các trường hợp sau:

d. Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) vi phạm Hợp đồng này...

....

2. Sau 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày VAB thông báo thu hồi nợ trước hạn mà Bên vay vẫn không thanh toán đủ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác) VAB chuyển toàn bộ số dư nợ của Bên vay sang nợ quá hạn, Bên vay chịu mức lãi suất quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ vay và các chi phí có liên quan”.

Phía Ngân hàng có nhiều thư nhắc nhở yêu cầu ông D, bà V thanh toán các khoản nợ (*bút lục 60-65*) nhưng ông D, bà V vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V, buộc ông D, bà V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc 131.600.000đồng và tiền lãi từ ngày 04/02/2020 đến ngày 31/8/2020 gồm lãi trong hạn 7.204.427đồng, lãi gốc quá hạn 2.913.696đồng, lãi chậm trả 314.833đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô con theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 203-04/16/VAB.HDDTCOTO ngày 04/02/2016 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 04/02/2016 (Thông tin về tài sản như sau: Nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER; Số khung: RL4ZR69G6G4026137; Số máy: 2KDU854522; Biển số xe: 60A-268.69); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059499 do Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/02/2016). Tài sản thế chấp trên tiếp tục được xác định là tài sản

đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Bị đơn ông Phạm Hoàng D, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, Khoản 1 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 17, Quyết định 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bị đơn ông Phạm Hoàng D, bà Nguyễn Thị Thu V về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 142.032.957 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc 131.600.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/02/2020 đến ngày 31/8/2020 gồm lãi trong hạn 7.204.427 đồng, lãi gốc quá hạn 2.913.696 đồng, lãi chậm trả 314.833 đồng.

Kể từ ngày 01/9/2020, ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đồng tín dụng số 203-04/16/VAB/HĐCNHCN ngày 04/02/2016 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô con theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 203-04/16/VAB.HDDTCOTO ngày 04/02/2016 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 04/02/2016 (Thông tin về tài sản như sau: Nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER; Số khung: RL4ZR69G6G4026137; Số máy: 2KDU854522; Biển số xe: 60A-268.69); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059499 do Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/02/2016). Tài sản thế chấp trên tiếp tục được xác định là tài sản

đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Hoàng D và bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 7.101.648 đồng (bảy triệu một trăm lẻ một nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 7.368.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007603 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Huệ